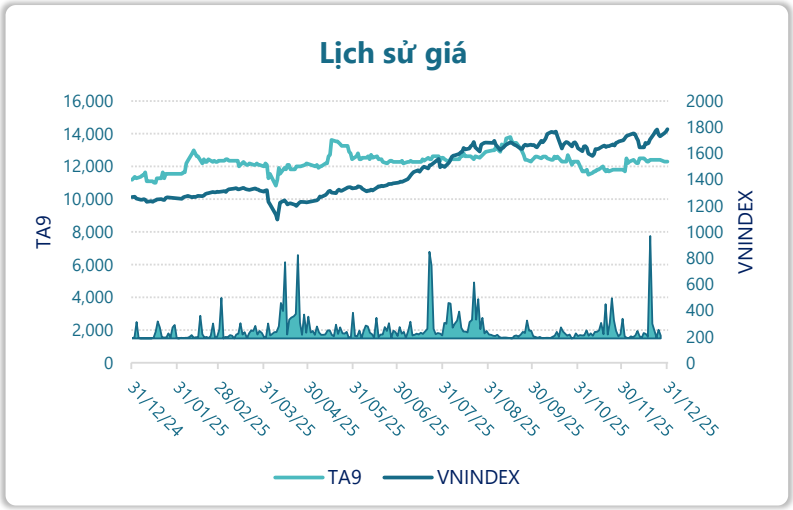
FireAnt

CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,802
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,825
SL cổ phiếu LH	12,419,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,405
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	153
P/E	5.8
EPS	2,125

DT thuần

Q4/25

1,746

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,184| 211%

YoY: ▲ 219| 14.4%

LN sau thuế

Q4/25

13.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.87| 246%

YoY: ▲ 2.10| 18.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2025

3,350

tỷ VNĐ

YoY: ▼106| -3.1%

LN sau thuế

2025

26.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.70| -2.5%

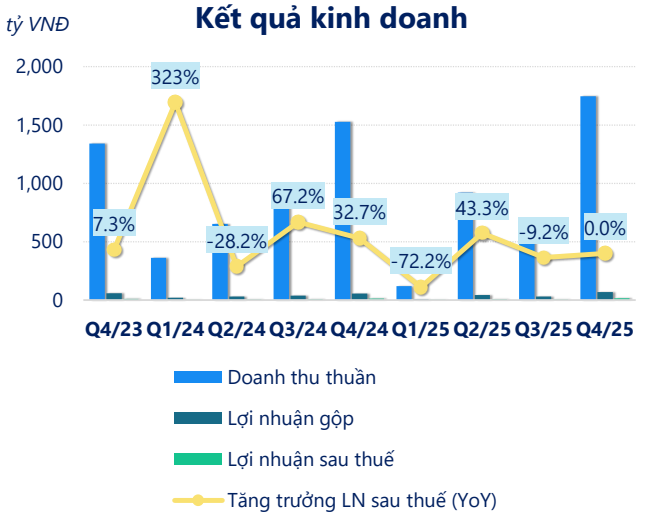
ROE

2025

15.9%

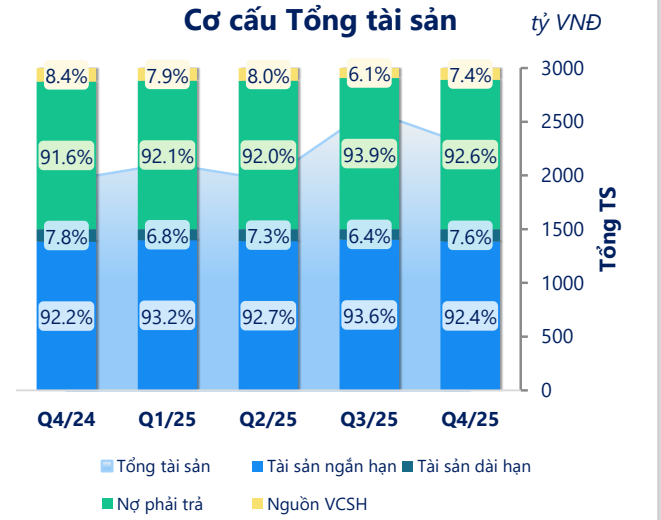
+/- YoY: ▼ 0.8%

Kết quả kinh doanh



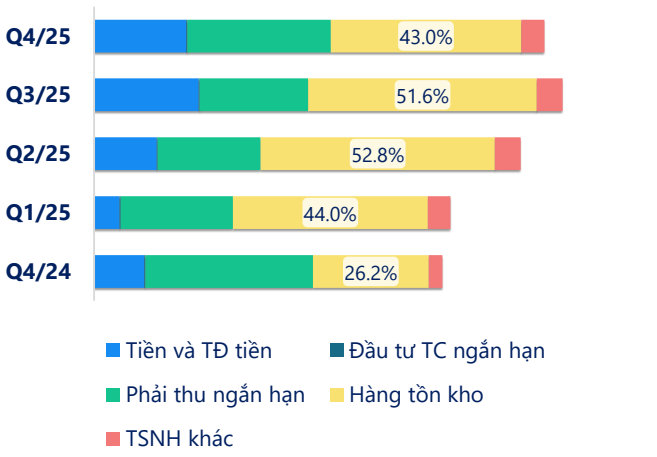
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



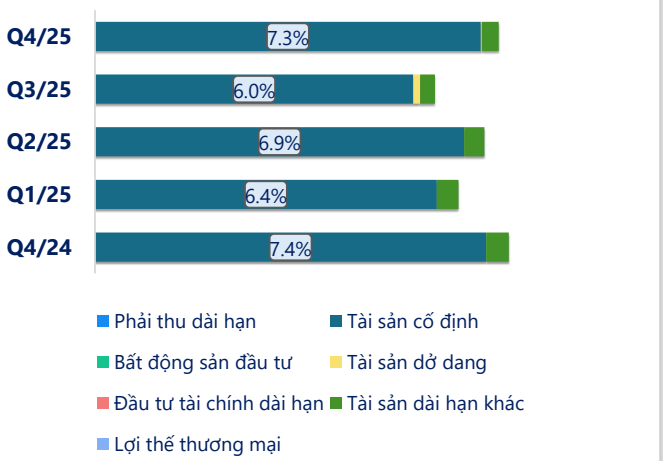
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



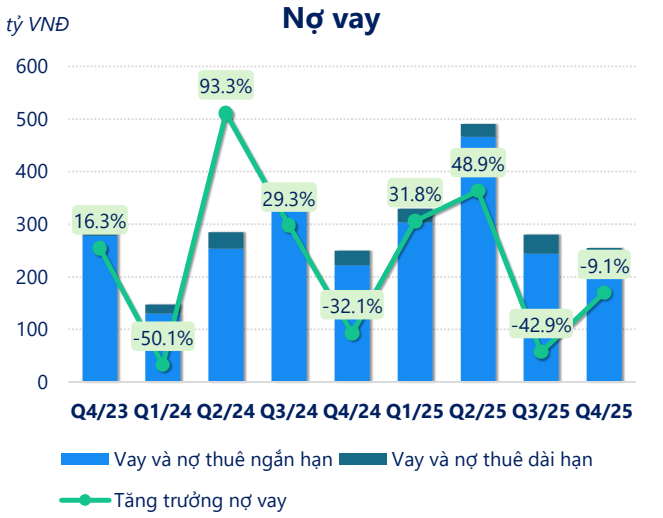
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



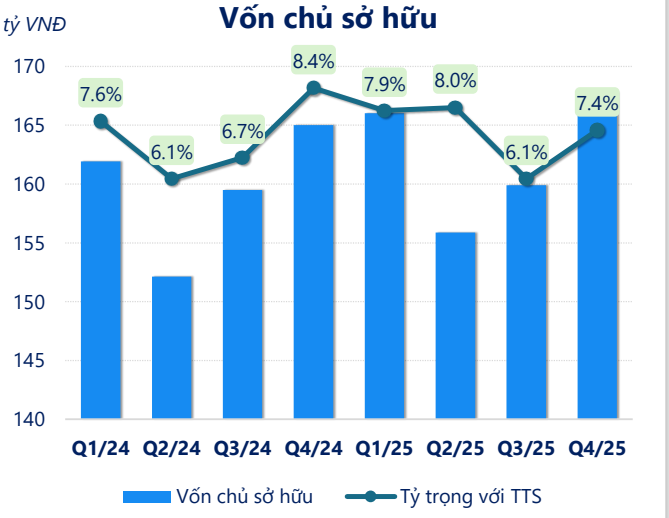
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



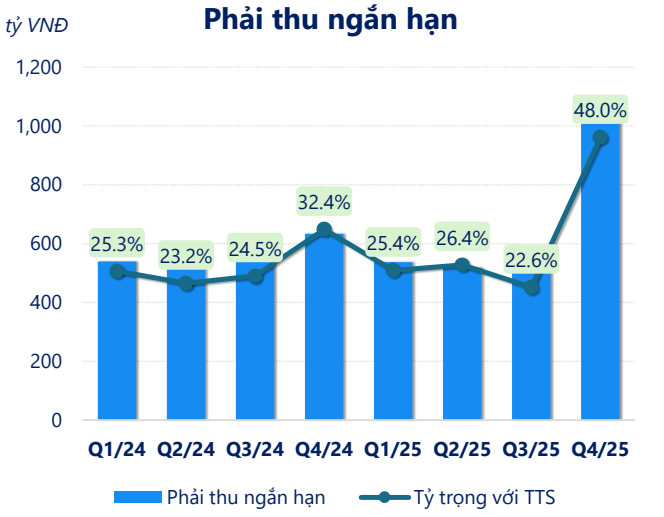
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



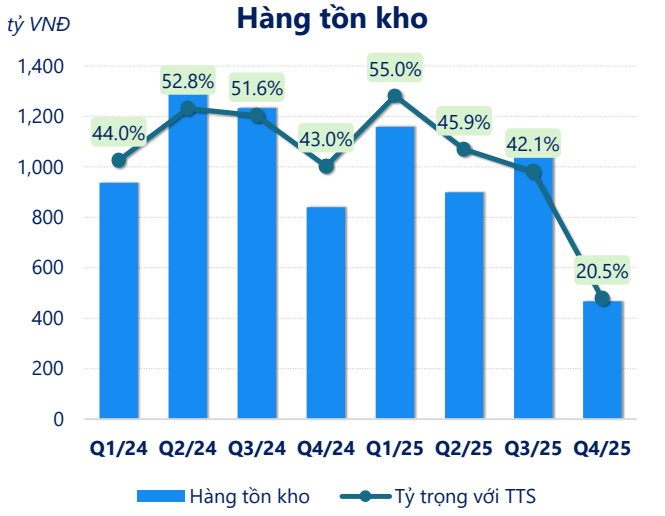
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



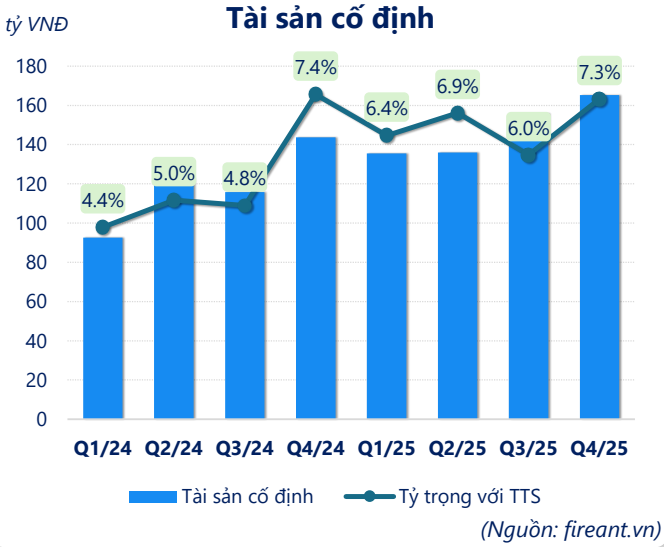
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



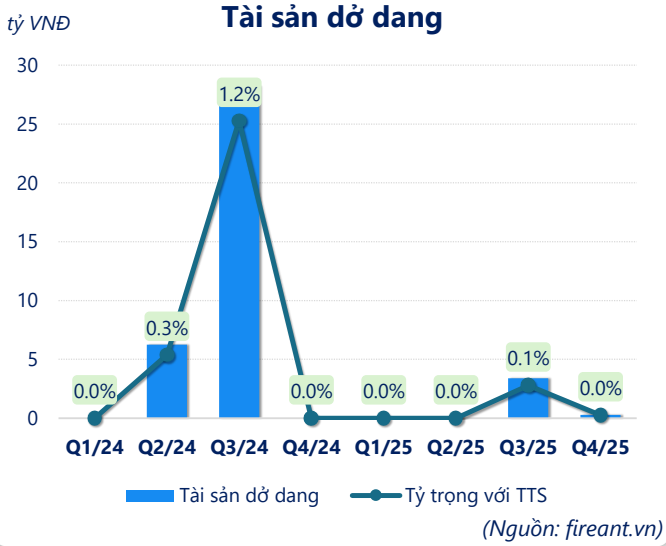
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



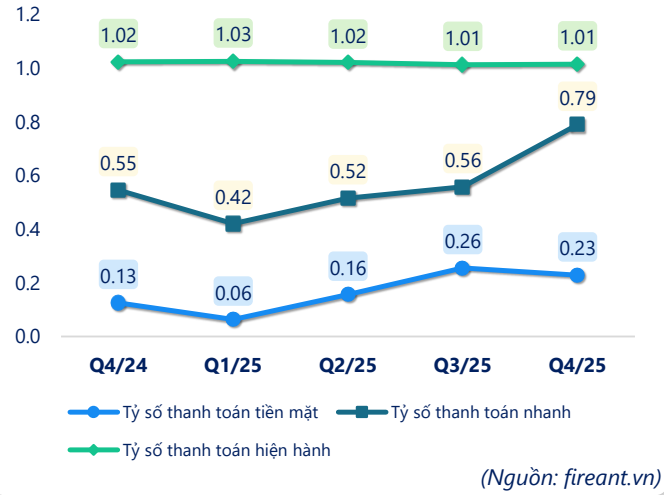
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



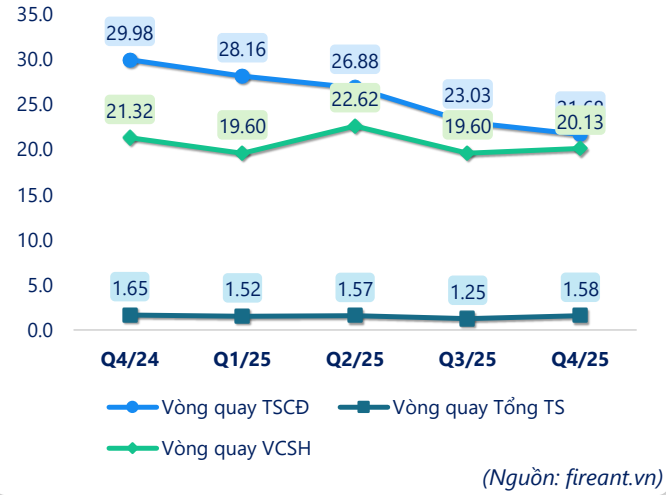
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,953**	**2,109**	**1,960**	**2,607**	**2,276**
Tài sản ngắn hạn	**1,801**	**1,965**	**1,816**	**2,440**	**2,103**
Tiền và tương đương tiền	221	122	278	615	473
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	633	537	517	588	1,093
Hàng tồn kho	840	1,159	899	1,097	467
Tài sản ngắn hạn khác	102	147	122	139	71.2
Tài sản dài hạn	**152**	**144**	**144**	**167**	**173**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	144	136	136	156	165
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	3.39	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.31	8.62	7.46	7.23	7.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,788**	**1,943**	**1,804**	**2,447**	**2,108**
Nợ ngắn hạn	**1,760**	**1,916**	**1,779**	**2,409**	**2,073**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	222	303	466	244	221
Phải trả người bán ngắn hạn	827	630	621	598	664
Nợ dài hạn	27.7	26.4	24.9	37.5	35.0
Vay và nợ thuê dài hạn	27.7	25.9	24.2	36.0	33.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**165**	**166**	**156**	**160**	**168**
Vốn chủ sở hữu	**165**	**166**	**156**	**160**	**168**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)